

# KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN VIỆT NAM VỚI NHỮNG BẤT CẬP HIỆN HỮU CẦN ĐƯỢC HÓA GIẢI ĐỂ PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

PGS.TS. Trần Xuân Bình

Trưởng khoa Xã hội học, Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Huế

txbinhxhh@yahoo.com

## **Tóm tắt:**

*Khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) với tư cách là khoa học (KH) về con người, về đời sống xã hội của con người, của cộng đồng người, bởi vậy xuyên suốt lịch sử, ở tầm vĩ mô KH này luôn giữ vai trò như là nguồn sống nội tâm – “linh hồn” của mọi cộng đồng, quốc gia, dân tộc. Trên thực tế, trong bối cảnh phát triển và hội nhập, hoạt động và thành quả của KHXH&NV thực sự xứng đáng với tầm vóc, vị thế và vai trò của nó trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội hay chưa, vẫn là những vấn đề đáng phải luận bàn!. Tiếp cận từ góc độ là nhà giáo, nhà nghiên cứu và quản lý KH này nhiều năm, từ việc phân tích tài liệu, bài viết mong muốn tổng hợp và phản ánh những bất cập về thực trạng hoạt động nghiên cứu và công tác quản lý KHXH&NV, hướng đến sự cần thiết phải nghiên cứu, đổi mới, phát triển KH này xứng tầm, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng miền và nước nhà trước bối cảnh hội nhập.*

**Từ khóa:** Khoa học xã hội và nhân văn; hoạt động, quản lý khoa học xã hội và nhân văn

## **1. Vai trò to lớn của KHXH&NV trong phát triển bền vững quốc gia**

Với tư cách là KH về con người, đời sống xã hội và của cộng đồng người – xét đến cùng, KHXH&NV là những tinh hoa, giá trị, sức mạnh tinh thần của xã hội và nền tảng về KH quản lý và chính trị, đồng thời vừa là mục tiêu, vừa là động lực đối với sự phát triển bền vững của mọi quốc gia, dân tộc. KHXH&NV có chức năng nhiệm vụ to lớn: Nghiên cứu dự báo, tiên phong dẫn đường, tư vấn, giám định, phản biện và giải quyết các vấn đề thuộc về con người và xã hội; Nghiên cứu cơ bản, toàn diện về xã hội và con người, về các quy luật hình thành và phát triển của xã hội, mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội; Cung cấp luận cứ KH cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, pháp luật, chính sách, xây dựng phát triển đất nước, quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc; Góp phần nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, tuyên truyền, giáo dục và tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ lịch sử; Khẳng định và nâng cao vai trò tiên phong, bảo vệ và phát triển quan điểm, đường lối của Đảng; Khẳng định lịch sử hình thành và phát triển dân tộc, đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc; Xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội – an ninh – quốc phòng; Xây dựng và phát triển nền KHXH&NV nước nhà đáp ứng các yêu cầu phát triển của đất nước và hội nhập vào cộng đồng KHXH&NV quốc tế [1], [2] và [4].

Cùng với quá trình đổi mới kinh tế trước bối cảnh hội nhập, trong những năm qua, cơ chế quản lý khoa học và công nghệ (KH&CN) nói chung ở nước ta đã từng bước đổi mới và đạt được những kết quả bước đầu, về: Xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo hướng trọng tâm, trọng điểm, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; Cơ chế quản lý các tổ chức KH&CN theo hướng xã hội hoá và gắn kết với sản xuất, kinh doanh; Cơ chế, chính sách tài chính theo hướng tăng dần tỷ lệ chi trong tổng chi ngân sách nhà nước và đa dạng hoá nguồn đầu tư phát triển; Cơ chế quản lý nhân lực theo hướng mở rộng quyền chủ động cho cán bộ trong việc ký kết hợp đồng nghiên cứu và chuyển giao, trong hoạt động kiêm nhiệm và hợp tác quốc tế; Các thể chế hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN đã bước đầu được hình thành; Các quy định pháp lý về hợp đồng chuyển giao, sở hữu trí tuệ đã được ban hành; Chợ công nghệ - thiết bị, kênh giao dịch thị trường từng bước thúc đẩy hoạt động mua bán các sản phẩm KH&CN; Phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước đã được cải tiến, hoàn thiện dần tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương [1], [4].

Đối mặt với những thách thức mới của phát triển và hội nhập, Đại hội XII của Đảng ta đặt ra yêu cầu “Phải làm cho KH&CN thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển... Đến năm 2020, KH&CN Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới” [1]. Như vậy, với những mục tiêu mới, sứ mệnh của nền KH&CN nói chung, KH&CN nói riêng của nước nhà càng đặt ra những áp lực và thách thức to lớn hơn trong tiến trình phát triển và hội nhập.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, trên khắp các vùng miền đất nước, trước bối cảnh hội nhập, các chủ thể hoạt động KH&CN các cấp đang đối mặt với những bất cập, thách thức trong mọi hoạt động nghiên cứu, đào tạo, hợp tác quốc tế và quản lý nhà nước. Chủ thể hoạt động KH từ trung ương đến các cấp địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học đều có chung trăn trở, quan ngại về những thực tế bất cập nhưng chưa có lời giải. Vấn đề đặt ra cho KH&CN nói riêng, KH&CN nói chung là mỗi khi chúng ta chưa giải quyết được thực trạng những bất cập phổ biến trong chuỗi hoạt động, quản lý của mình thì làm sao mà đủ tầm để hội nhập quốc tế?. Dưới đây xin tổng hợp những bất cập hiện hữu cần phải có hướng giải quyết kịp thời để giúp KH&CN xứng tầm, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng miền và nước nhà trước bối cảnh hội nhập.

## **2. Thực trạng những bất cập trong hoạt động nghiên cứu**

Theo khái niệm của UNESCO về KH&CN và các hoạt động của KH&CN gồm: 1) Nghiên cứu cơ bản; 2) Nghiên cứu ứng dụng (Applied Research); 3) Nghiên cứu triển khai (Technological Experimental Development); 4) Chuyển giao tri thức khoa học vào đời sống; 5) Phát triển khoa học trong đời sống; 6) Dịch vụ KH&CN [7]. Chiếu rọi vào KH&CN trên 6 dạng thức hoạt

động và theo đó là các sản phẩm thì KH&NV nước nhà vẫn còn bộc lộ những mặt bất cập, yếu kém:

**1) Về nghiên cứu cơ bản - Khám phá quy luật & tạo ra các lý thuyết:** Trong tiến trình đổi mới, trong mỗi ngành của mình KH này vẫn chưa mạnh dạn đổi mới tư duy lý luận, để phát hiện những quy luật, xây dựng các lý thuyết, triết lý mới cho phát triển. Còn rập khuôn, cứng nhắc, thiếu tiếp cận toàn diện từ nhiều hướng khác nhau. Chưa phản ánh hết tính đa diện của quy luật phát triển biến đổi của bối cảnh luôn biến đổi. Bị động trước thực tiễn diễn biến nhanh, phức tạp, chạy theo giải thích các hiện tượng hơn là phát hiện, dự báo, định hướng, dẫn đường cho phát triển bền vững xã hội. Các cơ quan, viện hàn lâm, các nhà khoa học uyên bác vẫn thiếu vắng những công trình nghiên cứu cơ bản, và vẫn dè dặt trong hội nhập với KH tư duy, KH cơ bản XH&NV quốc tế để tạo ra các lý thuyết, chủ thuyết mới cho ngành, chuyên ngành và phát triển nền KH&NV cho quốc gia, dân tộc mình.

**2) Về nghiên cứu ứng dụng - Vận dụng quy luật, lý thuyết để mô tả thực trạng, giải thích, dự báo và đề xuất các giải pháp phát triển toàn diện xã hội:** Mấy thập niên trở lại đây, có rất nhiều đề tài các cấp, các ngành, các địa phương được triển khai và đầu tư không ít kinh phí, công sức nghiên cứu thực nghiệm. Tuy nhiên, hầu hết những công trình đều gặp phải những bất cập phổ biến như được trình bày tại phần 3 (thực trạng những bất cập trong hoạt động quản lý nhà nước về KH&NV) dưới đây.

**3) Về nghiên cứu triển khai - Can thiệp các giải pháp, mô hình và nhân rộng, trực tiếp giải quyết các vấn đề con người, cộng đồng và xã hội đặt ra:** Để góp phần đổi mới toàn diện đất nước, những năm qua hàng loạt các chương trình, dự án nghiên cứu can thiệp, thực hiện chính sách xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội, phát triển xã hội của quốc gia, địa phương và được tài trợ từ các quỹ quốc tế đã đạt nhiều thành quả. Tuy nhiên, huy động sự tham gia của người dân, của các bên liên quan, tính hiệu quả, tính bền vững của nhiều công trình chưa cao. Các chương trình, dự án chưa trực diện giải quyết các vấn đề có tính chất chìa khóa, then chốt, nổi cộm cho sự phát triển. Triết lý can thiệp “lực đẩy” tỏ ra không phù hợp, lãng phí nguồn lực, đang được chuyển dần sang can thiệp “lực kéo” trong phát triển cộng đồng. Nhiều mô hình, giải pháp phát triển còn thiếu cơ chế, nguồn lực để áp dụng, nhân rộng, dễ “chết yếu” nếu thiếu hụt nguồn tài trợ...

**4) Về hoạt động chuyển giao tri thức KH vào đời sống:** Thiếu cơ chế hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, mới chỉ quan tâm khâu nghiên cứu ra kết quả, còn việc ứng dụng, triển khai thì chưa có cơ chế cụ thể, chưa có gắn kết rõ ràng giữa các bên tham gia. Thiếu liên kết phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu với địa phương áp dụng. Liên kết vùng, miền giữa các địa phương trong khu vực chưa được chú trọng. Sản phẩm KH thiếu cơ chế, lộ trình hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng kết quả vào thực tiễn đời sống xã hội. Không ít công trình chất lượng

sản phẩm, chuyên đề nghiên cứu giám sát nghiêm trọng, những nhà KH có năng lực thiếu mặn mà, trách nhiệm trước các sản phẩm của mình.

**5) Về phát triển KH trong đời sống:** Việc xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH chưa thực sự xuất phát từ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chưa định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc xác định nhiệm vụ. Thiếu cơ chế hữu hiệu khắc phục tình trạng trùng lặp nhiệm vụ KH&CN giữa các ngành, các cấp, các địa phương. Cơ chế quản lý các tổ chức hoạt động KH chưa phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo và cơ chế kinh tế thị trường. Thiếu quy hoạch các tổ chức KH đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Các tổ chức KH&CN của Nhà nước chưa được thực hiện đầy đủ quyền tự chủ về kế hoạch, tài chính, nhân lực và hợp tác quốc tế để phát huy tính năng động, sáng tạo và gắn kết giữa nghiên cứu, đào tạo và sản xuất, kinh doanh. Chưa xây dựng được các tiêu chí cụ thể đánh giá chất lượng và hiệu quả của hoạt động KH&NV.

**6) Về dịch vụ KH&NV:** Phần lớn các kết quả nghiên cứu còn dừng ở phạm vi “ngăn kéo”, chưa tạo ra được nhiều sản phẩm hoàn chỉnh có thể thương mại hoá. Chưa chú trọng việc mua sản phẩm KH của các nước tiên tiến để áp dụng đổi mới xã hội. Thị trường KH còn nhỏ bé, chậm phát triển, hoạt động mua, bán nhân rộng sản phẩm nghiên cứu rất hạn chế do thiếu cơ chế, các yếu tố cấu thành thị trường và các quy định pháp lý cần thiết, đặc trưng cho KH&NV. Thiếu cơ chế, biện pháp cụ thể xây dựng và nâng cao vai trò của đội ngũ cán bộ KH đầu ngành và các tập thể mạnh. Chế độ tiền lương còn bất hợp lý, không khuyến khích cán bộ toàn tâm với sự nghiệp. Chưa có các chính sách cụ thể thu hút, khuyến khích chuyên gia ngoài nước tham gia đóng góp vào sự nghiệp phát triển KH và đất nước.

Một thực tế đáng lo ngại từ trung ương xuống địa phương, từ các viện, trung tâm, trường, khoa bộ môn quản lý, nghiên cứu, đào tạo về KH&NV đều có xu hướng ai cũng muốn phát triển độc lập, không thấy sự cần thiết phải liên ngành, nhóm ngành trong NC, đào tạo, hợp tác quốc tế, chuyển giao. Thiếu mối quan hệ liên kết giữa các cấp độ của nghiên cứu cơ bản - lý luận với ứng dụng, triển khai, phát triển tri thức và dịch vụ KH&NV vào đời sống xã hội... Cơ chế quản lý còn bị động và thiếu sự linh hoạt dẫn đến tình trạng một số công trình nghiên cứu chậm, đi sau các yêu cầu của thực tiễn cuộc sống đặt ra; một số công trình vẫn mang nặng nghiên cứu cơ bản, thiếu ứng dụng, can thiệp. Do thiếu thông tin, liên kết, một số công trình có sự trùng lặp, gây nên sự lãng phí về ngân sách, công sức, thời gian.

### **3. Thực trạng những bất cập trong hoạt động quản lý nhà nước về KH&NV**

#### **3.1. Về công tác xây dựng, đầu tư phát triển chiến lược KH&NV**

Thiếu một quy hoạch, chiến lược ngắn, trung và dài hạn phát triển KH&NV cho quốc gia, các vùng miền, địa phương và chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, xã hội đặt ra. Chưa có định hướng nghiên cứu vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên và tập trung vào

những vấn đề lớn của chiến lược phát triển quốc gia, vùng miền và các địa phương. Không ít các nhà lãnh đạo, quản lý và cộng đồng xã hội thực sự nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò quan trọng của KH&NV trong sự phát triển bền vững xã hội. Còn phổ biến quan niệm KH&NV “chậm hiệu quả, không nhìn thấy, trừu tượng”. Bộ chủ quản và các Bộ liên quan như Bộ KH&CN, Bộ Tài nguyên và Môi trường... khi triển khai các đề tài nghiên cứu và chuyển giao vẫn thường chú trọng hơn đến các lĩnh vực tự nhiên và kỹ thuật, công nghệ bởi lẽ các đề tài thường mang tính ứng dụng trực tiếp cao, đem lại hiệu quả tức thời. Lĩnh vực KH&NV do vậy chưa được quan tâm đúng mức.

Việc xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN vẫn chưa xuất phát từ các nhu cầu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cụ thể. Chưa định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc xác định nhiệm vụ KH&CN. Quy chế quản lý các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu về KH&NV chưa hoàn chỉnh gây lúng túng cho các nhà nghiên cứu và cơ quan quản lý. Chưa tách biệt quản lý hành chính nhà nước với hoạt động sự nghiệp dẫn đến tình trạng các cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KH và chuyển giao. Thiếu cơ chế hữu hiệu về thanh tra, kiểm tra và quy định trách nhiệm rõ ràng trong hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế về đào tạo nghiên cứu và triển khai các kết quả của KH&NV. Chưa đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả các công trình nghiên cứu theo vùng miền, quốc gia và quốc tế để hình thành mạng lưới chia sẻ thông tin, chuyển giao, sử dụng cho các cơ sở khoa học và địa phương trên cả nước [1], [4].

### **3.2. Về kế hoạch, tuyển chọn, thực hiện, đánh giá nhiệm vụ KH**

Các kế hoạch (ngắn, trung và trung hạn) phát triển KH&NV chưa thực sự gắn với vùng miền, chưa thấy được mối quan hệ liên ngành giữa nội bộ các KH&NV với nhau và với các khoa học khác trong phát triển bền vững. Xu hướng quan tâm, tập trung vào nghiên cứu triển khai cái thường xuyên thay đổi - Kỹ thuật và Công nghệ nhiều hơn, mà ít quan tâm đầu tư vào cái ít thay đổi những giá trị khó nhìn thấy - KH&NV còn phổ biến ở các cấp. Đây là bài toán mà các chủ thể quản lý cần phải cân nhắc trong phát triển bền vững. Khâu xác định và tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN chưa theo phương thức đặt hàng, hoặc chỉ định cho những nhóm, đơn vị nghiên cứu mạnh, uy tín. Tuyển chọn vẫn thiếu khách quan, công bằng, còn cơ chế “xin - cho”. Tiêu chuẩn lựa chọn và việc lựa chọn chuyên gia tham gia các hội đồng tư vấn để xác định, tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đánh giá kết quả nghiên cứu còn nhiều bất cập. Nhiều đánh giá kết quả vẫn còn “cảm tính” chưa có căn cứ theo các mức chuẩn mực địa phương, quốc gia, quốc tế. Các chủ thể thực hiện KH thường thụ động, phụ thuộc theo kế hoạch từ trên xuống, thông tin thường đến muộn, thiếu tính chủ động, dẫn đến đầu tư thời gian, trí tuệ cho công trình chưa sâu đúng mức [3], [4].

Các chương trình, dự án hợp tác quốc tế KH&NV với các nước tiên tiến ở khu vực và trên thế giới trong đào tạo và nghiên cứu vẫn còn những rào cản bởi quan điểm và nhạy cảm chính

trị. Thiếu bình đẳng trong KH, bởi không ít các cá nhân, đơn vị dù thiếu năng lực NCKH nhưng vẫn “có cơ hội thực hiện”. Do vậy, cũng không ít sản phẩm của nhiều công trình được cắt dán, nặng lý thuyết, xa rời thực tế, không triển khai được vào cuộc sống nhưng vẫn được nghiệm thu, đánh giá là “tốt” và chỉ mãi mãi đi vào ngăn kéo. Không ít đề tài các cấp, thậm chí các đề tài, dự án có yếu tố nước ngoài do các cấp quản lý vẫn còn phổ biến hiện tượng “nhiều khô, chạy chọt, phết phẩy, xin cho, lại quả”... và không ít những công trình KH lớn ảnh hưởng bởi mối quan hệ giữa “triển khai kế hoạch, chiến lược KH” với “quy hoạch nhiệm kỳ quản lý”.

### **3.3. Về quản lý nguồn nhân lực**

Chưa thực sự khai thác hết tiềm năng của nguồn nhân lực KH, còn phổ biến quan niệm “Bụt Chùa nhà không thiêng” và hiện tượng các đơn vị, cá nhân từ “nơi khác, xa lạ” đến thực hiện nghiên cứu theo kiểu “chuồn chuồn đập nước”, thiếu am hiểu thực tế địa phương, dẫn đến “vẽ vôi, cắt dán kết quả” còn phổ biến. Ngược lại, nguồn nhân lực KH tại chỗ thường được mời “làm thuê ngay trên đất của mình” và phải qua nhiều khâu trung gian khác. Nhiều đề tài không có khả năng chi trả các hợp đồng cao, thuê các chuyên gia giỏi, nên chất lượng sản phẩm KH đáng lo ngại. Các đơn vị KH thiếu vắng những “ngọn cờ” – những chuyên gia giỏi để hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh. Thiếu sự liên kết theo khối ngành, nhóm ngành, do vậy yếu năng lực đấu thầu từ khâu nắm bắt, xử lý thông tin, đến khâu đề xuất, phê duyệt, thực hiện, giám sát và đánh giá.

Chưa có cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ cán bộ KH&NV, tính hợp tác giữa các cán bộ KH cùng chuyên ngành, liên ngành chưa cao và các công trình liên kết địa phương có qui mô lớn cũng chưa nhiều. Cơ chế quản lý cán bộ chậm chuyển đổi từ chế độ công chức sang chế độ viên chức, hợp đồng, và có xu hướng hành chính hóa. Chức năng của các cơ quan quản lý chòng chéo dẫn đến thủ tục rườm rà, phức tạp, chậm trễ kéo dài. Thiếu quy hoạch, đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ KH&NV, chưa có cơ chế làm việc hợp đồng chuyên gia, kiêm nhiệm.

Các cơ sở đào tạo cơ bản các ngành KH&NV đang gặp không ít khó khăn về nhiều mặt, như: ngân sách đầu tư của Nhà nước, vấn đề tuyển sinh, chương trình đào tạo, hệ thống thông tin học liệu, việc làm của người học sau tốt nghiệp và hợp tác quốc tế... Hơn nữa, những hạn chế tự thân của các ngành KH&NV khiến nó thiếu sức hấp dẫn và khó thu hút các nguồn đầu tư khác nhau. Không ít ngành đã từng là thế mạnh và làm nên “tên tuổi”, nhưng trước bối cảnh mới lại tỏ ra thất thế, thậm chí trở nên “gánh nặng” cho các cơ sở đào tạo. Sự cạnh tranh và lựa chọn sản phẩm đào tạo của nhu cầu xã hội giữa các mô hình quốc lập, dân lập và tư thục đang diễn ra khốc liệt và nhiều cơ sở buộc phải giải thể, tái cấu trúc lại.

### **3.4. Về quản lý tài chính**

Luật KH&CN 2013 có quy định khoán chi đến sản phẩm KH&CN cuối cùng, mua kết quả nghiên cứu theo thỏa thuận, bố trí kinh phí ứng dụng kết quả nghiên cứu. Tuy nhiên, trong

Nghị định hướng dẫn thi hành Luật chưa có hướng dẫn chi tiết các nội dung này. Thiếu cơ chế khoán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN đến sản phẩm cuối cùng. Hầu hết các đề tài chỉ được cấp kinh phí để triển khai chứ không có kinh phí để ứng dụng sau khi nghiệm thu. Các dự án phát triển xã hội áp dụng cho các vùng nông thôn, miền núi không có kinh phí để nhân rộng sau khi kết thúc... thiếu cơ chế để hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Kinh phí cho nghiên cứu KH không lớn mà phải dàn trải cho nhiều ngành, đầu tư cho KH&NV không cao, tỉ lệ được phê duyệt, đưa vào hoạt động ít hơn so sánh với các KH khác [2], [3].

Cơ chế, chính sách tài chính chưa tạo động lực, sự tự chủ và điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN. Đầu tư từ ngân sách nhà nước còn dàn trải, thiếu tập trung cho các lĩnh vực, công trình trọng điểm. Thiếu biện pháp hữu hiệu để huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước. Kinh phí đầu tư cho từng đề tài còn hạn chế, công tác quản lý tài chính còn nhiều bất cập, các quy định về chế độ chi tiêu, thủ tục quyết toán kết quả nghiên cứu vẫn còn những bất hợp lý, nặng nề thủ tục, chưa sát với thực tiễn. Nội dung chi, định mức chi quá thấp so với thực tế dẫn đến tình trạng lệch chuẩn trong nghiên cứu. Hiện tượng biến báo để hợp thức hóa chứng từ, lo lắng nhiều về cách tạo ra chứng từ thanh quyết toán vẫn phổ biến. Công lao động chưa gắn với sản phẩm KH, chưa bảo đảm nguyên tắc trả công tương ứng với kết quả nghiên cứu, tương xứng với giá trị đem lại.

Kinh phí cho các loại đề tài có tăng lên, nhưng không đáng kể. Định mức chi tiêu cho KH&NV theo quy định của Nhà nước vẫn chưa hợp lý, còn quá thấp so với yêu cầu thực tế, khó khăn cho việc triển khai thực hiện. Cơ sở vật chất, các phương tiện kỹ thuật... nguồn tư liệu, học liệu về KH&NV phục vụ cho việc nghiên cứu chưa được đầu tư, còn thiếu và yếu [1], [3]. Ngoài ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&NV, các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước chưa xây dựng quỹ phát triển KH của riêng mình. Đồng thời chưa có cơ chế huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động này, nhất là khu vực tư nhân. Chưa có cơ chế hỗ trợ đầu tư cho các vùng trọng điểm, chưa hình thành ở mỗi khu vực một có những trung tâm nghiên cứu mạnh, có sức lan tỏa ra. Thiếu cơ chế phân cấp, liên kết, phối hợp nguồn lực giữa các cơ quan hoạt động KH của trung ương với địa phương để phát huy các tiềm năng, thế mạnh, nguồn lực từ các địa phương.

#### **4. Thay lời kết**

Trên đây là kết quả tổng hợp, phản ánh những bất cập về thực trạng hoạt động nghiên cứu và quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&NV. Từ việc tìm ra những bất cập này, bài viết mong muốn các bên liên quan cần có những kế hoạch, lộ trình hướng đến sự cần thiết phải nghiên cứu, đổi mới, phát triển lĩnh vực KH này xứng tầm với vị trí và vai trò của nó để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương, vùng miền và nước nhà trước bối cảnh hội nhập.

Là một cán bộ KH gắn bó với xứ Thừa Thiên Huế, chúng ta tự hào nơi đây có bề dày lịch sử truyền thống và di sản văn hóa nhân loại, “là miền đất hứa” cho sự phát triển KH&NV. Ở đây đã từng có rất nhiều cơ hội tiếp cận, đón nhận, đầu tư phát triển KH này, nhưng rất tiếc chúng ta đã bỏ qua nhiều cơ hội... Đại học Huế với nhiều trường đại học thành viên, không chỉ có một đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu KH&NV có trình độ chuyên môn cao, uy tín và nhiều kinh nghiệm, mà còn có tiềm lực mạnh với nhiều Khoa chuyên môn, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực KH&NV. Tuy nhiên, vẫn không ngoại lệ, đang đối mặt với những bất cập và thách thức hiện hữu như trình bày ở trên, đang đặt ra cấp thiết phải có những phép hóa giải cho bài toán phát triển!

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Tuyên giáo Trung ương - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, kỷ yếu Hội thảo khoa học “Vai trò của khoa học xã hội trong hoạch định chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của Đảng”, Hà Nội 2016.
2. Báo cáo tham luận của Ban Chủ nhiệm KC.10/11-15 tại Hội nghị đánh giá giữa kỳ 03 năm hoạt động của các Chương trình KH&CN giai đoạn 2011-2015 – Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, năm 2014.
3. Thông tư số 08/2012/TT BKHCN ngày 02/4/2012 về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm.
4. Nghị quyết Trung ương VI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 20-NQ/TW) về phát triển khoa học và công nghệ.
5. Nguyễn Thiện Thành, đề án “Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc xây dựng xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý KH&CN”, Bộ KH&CN 2013.
6. Nhiều tác giả, Khoa học tư duy từ nhiều tiếp cận khác nhau, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội, 2016.
7. Vũ Cao Đàm, Quản lý Khoa học và Công nghệ, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2014.